

Bản án số: 312/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2024
Về việc tranh chấp
“Ly hôn và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huỳnh Như - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 1085/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 305/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Ánh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp S, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An

(Chị T xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2024 và những lời khai tiếp theo của chị Trương Thị Ánh T là nguyên đơn trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Thanh T1 có tìm hiểu nhau thời gian, sau đó chị và anh T1 chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian, đến tháng 6 năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, thường xuyên cãi nhau. Nên chị và anh T1 xa nhau từ

tháng 9 năm 2023 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn T2 sinh ngày 04/8/2016, chị đang nuôi, khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1: Không có lời trình bày. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và chị T đề nghị không hòa giải, anh Nguyễn Thanh T1 vắng đã triệu tập họp lệ, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ánh T nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” là những tranh chấp quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An, nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Chị Trương Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1 nên chị T được xác định là nguyên đơn, anh T1 là bị đơn.

Nguyên đơn chị Trương Thị Ánh T xin vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Thanh T1 vắng mặt không có lý do đã được triệu tập họp lệ, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Trương Thị Ánh T và anh Nguyễn Thanh T1.

Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu.

Tòa án chỉ xét xử vụ án trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Chị Trương Thị Ánh T cho rằng, chị và anh T1 chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Long An, nên hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh T1 trên cơ sở tự nguyện, chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T1 thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 6 năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do cuộc sống không phù hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Nên chị T và anh T1 xa nhau từ tháng 9 năm 2023. Tại phiên tòa chị T xin vắng mặt, tại bản tự khai chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh T1. Đối với anh Nguyễn Thanh T1, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh T1 không đến Tòa án cũng như gửi văn bản phản hồi ý kiến về việc xin ly hôn của chị T, anh T1 cũng không đưa ra được hướng đoàn tụ với chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống chung vợ chồng của chị T và T1 không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh T1 chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn T2 sinh ngày 04/8/2016, chị T đang nuôi. Khi ly hôn chị T xin được tiếp tục nuôi.

Thấy rằng: Từ khi chị T và anh T1 ly thân nhau, chị T trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Tuấn T2. Đối với anh T1 không có phản hồi ý kiến về việc xin nuôi con của chị T. Đồng thời cháu Nguyễn Tuấn T2 có nguyện vọng muốn sống với chị T. Do đó để đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ nhỏ, nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục giao cho chị T tiếp tục nuôi con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Đối với anh T1 vắng mặt không có lời trình bày về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết thành một vụ án khác.

[3]. Về án phí: Chị Trương Thị Ánh T phải chịu án phí ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Điều 227 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều, 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Ánh T đối với anh Nguyễn Thanh T1 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T1.

2. Về con chung: Chị T được tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Tuấn T2 sinh ngày 04/8/2016, (chị T đang nuôi). Anh T3 không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị T không yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Trường hợp sau này có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết thành một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T4 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005823 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An sang án phí để thi hành. Như vậy chị T4 không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Bình A